

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

BẢNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN: TIẾNG VIỆT (Đọc) - LỚP 3

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu, số điểm và câu số	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Đọc hiểu văn bản	Số câu	4					2	6
	Câu số	1,2,3,4					5,6	
	Số điểm	2					2	4
Kiến thức Tiếng Việt	Số câu			3			1	4
	Câu số			7,8,9			10	
	Số điểm			1.5			0.5	2
Tổng	Số câu	4		3			3	10
	Câu số							
	Số điểm	2		1.5			2.5	6

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KÌ 1

NĂM HỌC 2022 – 2023

Họ và tên HS:.....

Môn:TIẾNG VIỆT 3 (Đọc hiểu).

Lớp:.....

Ngày kiểm tra : .../ ... /.....

Thời gian: 40 phút (45 phút với HS tiếp thu chậm)

Điểm	Nhận xét của giáo viên
Đọc thầm:	
Đọc thành tiếng:	
Điểm chung:	

1. Đọc hiểu và kiến thức Tiếng Việt: (6 điểm)

Dựa vào nội dung bài tập đọc: “Bạn nhỏ trong nhà” (Sách Tiếng Việt 3, tập 1, trang 107-108), em hãy khoanh trước ý trả lời đúng và thực hiện các câu hỏi còn lại theo yêu cầu:

Câu 1: Trong ngày đầu tiên về nhà bạn nhỏ, chú chó trông như thế nào?

- a) Lông trắng, khoang đen, đôi mắt tròn xoe và loáng ướt.
- b) Lông trắng, khoang vàng, đôi mắt tròn và loáng ướt.
- c) Lông trắng, khoang đen, đôi mắt đen long lanh.
- d) Lông trắng, khoang đen, đôi mắt tròn và đen láy.

Câu 2: Chú chó trông bài được bạn nhỏ đặt tên là gì?

- a) Cún b) Cúp c) Cúc d) Búp

Câu 3: Bạn nhỏ gặp chú cún vào buổi nào và ở đâu?

- a) Buổi sáng ở trong phòng.
- b) Buổi trưa ở trong phòng.
- c) Buổi chiều trên đường đi học về.
- d) Buổi sáng trên đường đi học.

Câu 4: Chú chó có sở thích gì?

- a) Thích nghe nhạc
- b) Thích chơi bóng
- c) Thích nghe đọc sách
- d) Thích nghe đọc truyện

Câu 5: Chú chó trong bài biết làm những gì?

.....

.....

.....

.....
.....
.....
Câu 6: Qua câu chuyện này em có suy nghĩ gì về tình cảm giữ bạn nhỏ và chú chó.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
Câu 7: Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong câu sau.

Bao năm rồi tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương.

Câu 8 : Câu nào dưới đây là câu nêu đặc điểm

- a) Ông thường đưa đón tôi đi học mỗi khi bố mẹ bận.
- b) Bà ơi, cháu yêu bà nhiều lắm!
- c) Mỗi ngày trôi qua, ông đang già đi còn nó mạnh mẽ hơn
- d) Mẹ em là bác sĩ.

Câu 9 : Cặp từ nào sau đây là cặp từ trái nghĩa

- a) to - lớn
- b) nhỏ - bé xíu
- c) đẹp - xấu
- d) to – khổng lồ

Câu 10: Tìm 2 từ chỉ hoạt động ở trường. Đặt 1 câu với 1 trong các từ vừa tìm được

.....
.....
.....

2. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

Giáo viên cho học sinh bốc thăm, sau đó các em sẽ đọc thành tiếng, (Mỗi học sinh đọc một đoạn hoặc cả bài trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3, tập 1 và trả lời câu hỏi do giáo viên chọn theo nội dung được quy định sau:

Bài 1: “Tạm biệt mùa hè” , đọc đoạn: “Đêm naythật là thích.” (trang 38,39).

Bài 2: “Cuộc họp của chữ viết” đọc đoạn “Vừa tan học ... trên trán lấm tấm mồ hôi” (trang 62).

Bài 3: “Những chiếc áo ấm” đọc đoạn “Mùa đông cần áo ấm.” (trang 120).

Thời gian kiểm tra:

* Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt : 35 phút

* Đọc thành tiếng: Tùy theo tình hình từng lớp mà phân bố thời gian hợp lý để GV kiểm tra và chấm ngay tại lớp.

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KÌ I

1. Đọc hiểu và kiến thức Tiếng Việt: (6 điểm)

Câu 1: a (0,5 điểm)

Câu 2: b (0,5 điểm)

Câu 3: a (0,5 điểm)

Câu 4: d (0,5 điểm)

Câu 5: d (0,5 điểm)

(Tùy theo câu trả lời câu trả lời của học sinh ghi từ 0 - 0,5 điểm).

(Gợi ý: Chú chó trong bài biết chui vào gầm giường lấy trái banh, lấy cho bạn nhỏ chiếc khăn lau nhà, đưa hai chân trước lên mỗi khi bạn nhỏ chìa tay cho nó bắt .)

Câu 6: (0,5 điểm)

(Tùy theo câu trả lời câu trả lời của học sinh ghi từ 0 - 0,5 điểm).

(Gợi ý: Qua câu chuyện này em có suy nghĩ về tình cảm giữa bạn nhỏ và chú chó Cúp là: đây là tình cảm đáng quý giữa bạn nhỏ và chú chó Cúp, chúng ta nên học tập bạn ấy..)

Câu 7: (0,5 điểm) (Đặt đúng 1 chỗ ghi 0.25 điểm)

Bao năm rồi, tôi vẫn không sao quên được vị thơm ngậy, hăng hắc của chiếc bánh khúc quê hương.

Câu 8: c (0,5 điểm)

Câu 9: c (0,5 điểm)

Câu 10: (0.5 điểm) Tìm đúng 2 từ ghi 0,25 điểm, đặt đúng câu ghi 0,25 điểm

- Gợi ý : chạy, đọc, hát, vẽ, múa, viết.....

2. Đọc thành tiếng: (4 điểm)

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đọc đạt yêu cầu: **1 điểm.**

- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): **1 điểm.**

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: **1 điểm.**

- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: **1 điểm.**

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

BẢNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2022 - 2023

MÔN: TIẾNG VIỆT (Viết) - LỚP 3

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu,số điểm và câu số	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Viết chính tả	Số câu				1					1
	Câu số				1					
	Số điểm				4 đ					4đ
Viết văn	Số câu						1			1
	Câu số						2			
	Số điểm						6 đ			6đ
Tổng	Số câu				1		1			2
	Câu số				1		2			
	Số điểm				4đ		6đ			10đ

TRƯỜNG TIỂU HỌC..... ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC 2022 – 2023

Họ và tên HS:.....

Môn:TIẾNG VIỆT 3 (VIẾT).

Lớp:.....

Ngày kiểm tra : .../ .../.....

Thời gian: 55 phút (60 phút với HS tiếp thu chậm)

Điểm	Nhận xét của giáo viên
	
	
	

I. Chính tả: (20 phút)

Giáo viên đọc cho học sinh viết bài: Tia nắng bé nhỏ (*Từ **Nhà của Na** đến **đem nắng cho bà.***) sách Tiếng Việt 3 - Tập 1 - Trang 97)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

II.Tập làm văn (35 phút)

Em hãy viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình (từ 5 đến 7 câu)

* Gợi ý:

- Giới thiệu về ngôi nhà: Nhà của em ở đâu?
- Tả bao quát về ngôi nhà: về hình dáng, cảnh vật xung quanh.
- Tả đặc điểm ngôi nhà: Bên ngoài, bên trong.
- Nêu tình cảm của em đối với ngôi nhà.

[illegible]

NĂM HỌC 2022 -2023 - MÔN: TIẾNG VIỆT 3 (PHẦN VIẾT)

I. Chính tả nghe - viết (4 điểm) (20 phút)

- GV đọc cho HS viết, thời gian HS viết bài khoảng 15 phút.
- Tốc độ đạt yêu cầu: 1đ
- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 1 đ
- Viết đúng chính tả(không mắc quá 5 lỗi): 1 đ
- Trình bày đúng qui định, viết sạch đẹp: 1đ. (có thể ngắt 0,5đ Trình bày - 0,5đ viết sạch đẹp)

Lưu ý: Nếu chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách, kiểu chữ hoặc trình bày bẩn,...bị trừ 1 điểm toàn bài.

II. Tập làm văn (6 điểm) (35 phút)

+ Nội dung: **3 điểm**

HS viết được đoạn văn tả ngôi nhà của mình

+ Kỹ năng: **3 điểm**

Điểm tối đa cho kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả: **1 điểm**

Điểm tối đa cho kỹ năng dùng từ, đặt câu: **1 điểm**

Điểm tối đa cho phần sáng tạo: **1 điểm**